SỞ Y TẾ TP. HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN TRƯNG VƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1872/TB-BVTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2024

THÔNG BÁO
GIÁ DỊCH VỤ "NGÀY GIƯỜNG CÁC KHOA".

(Thực hiện theo Quyết định 1870/QĐ-BVTV ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Giám đốc Bệnh viện Trưng Vương)

Đơn vị: đồng

STT	Tên dịch vụ	ĐƠN GIÁ		
		DỊCH VỤ	GIÁ BHYT	Lệch giá BH
Phòng 2 giường				
1	**Nội khoa Loại 1:** Các khoa: Truyền nhiễm, Hô hấp, Huyết học, Ung thư, Tim mạch, Tâm thần, Thần kinh, Nhi, Tiêu hoá, Thận học; Nội tiết; Dị ứng (đối với bệnh nhân dị ứng thuốc nặng: Stevens Jonhson/ Lyell)	500.000	305.500	194.500
2	**Nội khoa Loại 2:** Các Khoa: Cơ-Xương-Khớp, Da liễu, Dị ứng, Tai-Mũi-Họng, Mắt, Răng Hàm Mặt, Ngoại, Phụ -Sản không mổ; YHDT/ PHCN cho nhóm người bệnh tổn thương tủy sống, tai biến mạch máu não, chấn thương sọ não.	450.000	273.800	176.200
3	**Ngoại khoa Loại 1** : Sau các phẫu thuật loại đặc biệt; Bỏng độ 3-4 trên 70% diện tích cơ thể	660.000	400.400	259.600
4	**Ngoại khoa Loại 2 :** Sau các phẫu thuật loại 1; Bỏng độ 3-4 từ 25 -70% diện tích cơ thể	600.000	364.400	235.600
5	**Ngoại khoa Loại 3** : Sau các phẫu thuật loại 2; Bỏng độ 2 trên 30% diện tích cơ thể, Bỏng độ 3-4 dưới 25% diện tích cơ thể	530.000	320.700	209.300

STT	Tên dịch vụ	ĐƠN GIÁ		
		DỊCH VỤ	GIÁ BHYT	Lệch giá BH
6	**Ngoại khoa Loại 4** : Sau các phẫu thuật loại 3; Bỏng độ 1, độ 2 dưới 30% diện tích cơ thể	470.000	286.700	183.300
Phòng 3 giường				
7	**Nội khoa Loại 1:** Các khoa: Truyền nhiễm, Hô hấp, Huyết học, Ung thư, Tim mạch, Tâm thần, Thần kinh, Nhi, Tiêu hoá, Thận học; Nội tiết; Dị ứng (đối với bệnh nhân dị ứng thuốc nặng: Stevens Jonhson/ Lyell)	480.000	305.500	174.500
8	**Nội khoa Loại 2:** Các Khoa: Cơ-Xương-Khớp, Da liễu, Dị ứng, Tai-Mũi-Họng, Mắt, Răng Hàm Mặt, Ngoại, Phụ -Sản không mổ; YHDT/ PHCN cho nhóm người bệnh tổn thương tủy sống, tai biến mạch máu não, chấn thương sọ não.	430.000	273.800	156.200
9	**Ngoại khoa Loại 1** : Sau các phẫu thuật loại đặc biệt; Bỏng độ 3-4 trên 70% diện tích cơ thể	630.000	400.400	229.600
10	**Ngoại khoa Loại 2 :** Sau các phẫu thuật loại 1; Bỏng độ 3-4 từ 25 -70% diện tích cơ thể	570.000	364.400	205.600
11	**Ngoại khoa Loại 3** : Sau các phẫu thuật loại 2; Bỏng độ 2 trên 30% diện tích cơ thể, Bỏng độ 3-4 dưới 25% diện tích cơ thể	510.000	320.700	189.300
12	**Ngoại khoa Loại 4** : Sau các phẫu thuật loại 3; Bỏng độ 1, độ 2 dưới 30% diện tích cơ thể	450.000	286.700	163.300
Phòng 4 giường				

STT	Tên dịch vụ	ĐƠN GIÁ		
		DỊCH VỤ	GIÁ BHYT	Lệch giá BH
13	**Nội khoa Loại 1:** Các khoa: Truyền nhiễm, Hô hấp, Huyết học, Ung thư, Tim mạch, Tâm thần, Thần kinh, Nhi, Tiêu hoá, Thận học; Nội tiết; Dị ứng (đối với bệnh nhân dị ứng thuốc nặng: Stevens Jonhson/ Lyell)	440.000	305.500	134.500
14	**Nội khoa Loại 2:** Các Khoa: Cơ-Xương-Khớp, Da liễu, Dị ứng, Tai-Mũi-Họng, Mắt, Răng Hàm Mặt, Ngoại, Phụ -Sản không mổ; YHDT/ PHCN cho nhóm người bệnh tổn thương tủy sống, tai biến mạch máu não, chấn thương sọ não.	390.000	273.800	116.200
15	**Ngoại khoa Loại 1 :** Sau các phẫu thuật loại đặc biệt; Bỏng độ 3-4 trên 70% diện tích cơ thể	570.000	400.400	169.600
16	**Ngoại khoa Loại 2 :** Sau các phẫu thuật loại 1; Bỏng độ 3-4 từ 25 -70% diện tích cơ thể	520.000	364.400	155.600
17	**Ngoại khoa Loại 3 :** Sau các phẫu thuật loại 2; Bỏng độ 2 trên 30% diện tích cơ thể, Bỏng độ 3-4 dưới 25% diện tích cơ thể	460.000	320.700	139.300
18	**Ngoại khoa Loại 4 :** Sau các phẫu thuật loại 3; Bỏng độ 1, độ 2 dưới 30% diện tích cơ thể	420.000	286.700	133.300

Thông báo có hiệu lực từ ngày 01/01/2025.

Nơi nhận:
- Các khoa, phòng;
- Lưu: VT, TKCT (CTMP/03b)

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN TRƯNG VƯƠNG

BS. CKII Huỳnh Ngọc Hớn